

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2017/HNGĐ - ST

Ngày 11-9-2017

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Thụ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Quyết;

Ông Trần Đăng Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Khánh Sơn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 113/2017/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1542/2017/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn V, sinh năm 1995; ĐKKHKT: Tổ 3B, khu 1 Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Tạm trú: Thôn 1, Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng

2. *Bị đơn:* Anh KIM, sinh năm 1977; hiện cư trú: 18 Hago-si, Mari-myeon, Geochang-gun, Gyeongsangnam-do, Hàn Quốc.

Chị V có mặt, anh KIM có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án là chị Nguyễn V trình bày: Chị và anh KIM kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ngày 22/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Việt Nam được ít ngày, sau đó anh KIM về nước sau đó anh quay về Việt Nam công tác, trong quá trình vợ chồng chung sống ở Việt Nam anh KIM thường xuyên rệu rã dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống. Đến tháng 4 năm 2016 anh quay về Hàn Quốc vợ chồng vẫn thỉnh thoảng liên lạc với nhau. Đến tháng 1 năm 2017 vợ chồng ít liên lạc với nhau. Do xa cách về địa lý, khả năng đoàn tụ không có, nay tình cảm không còn chị V đề nghị Tòa án được ly hôn với anh KIM

- Về con chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin ly hôn anh KIM gửi về Tòa án anh trình bày thống nhất về quá trình kết hôn, lý do xin ly hôn, con chung, tài sản chung như chị Nguyễn V

Vì điều kiện anh KIM ở nước ngoài nên theo Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được. Trong đơn xin ly hôn anh đề nghị được xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa chị Nguyễn V có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn vì chị cho rằng khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh KIM

Về con chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Nguyễn V và anh KIM cùng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 35, , Điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Anh KIM là bị đơn hiện đang cư trú tại Hàn Quốc vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Chị Nguyễn V và anh KIM kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh vào ngày 22 tháng 12 năm 2015, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị V và anh KIM chung sống ở Việt Nam được 1 thời gian, trong quá trình vợ chồng chung sống anh KIM thường xuyên rượu chè dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn đến tháng 4 năm 2016 anh KIM về nước và không có ý định quay về Việt Nam cũng như bảo lãnh cho chị V sang Hàn Quốc để vợ chồng đoàn tụ. Từ tháng 1 năm 2017 anh chị ít liên lạc với nhau. Nay cả Nguyễn V và anh KIM đều xác định tình cảm không còn, khả năng đoàn tụ

không có và đều có đơn xin ly hôn để giải phóng cho nhau là hoàn toàn chính đáng.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn V và anh KIM mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị Nguyễn V

- Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn V là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo chị Nguyễn V và anh KIM được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Khoản 3 Điều 35, Điểm b Khoản 1 Điều 37, Điểm b khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 207, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

XỬ:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn V được ly hôn anh KIM.

- Về con chung, tài sản chung: Hai bên không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003905 ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị V đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo:

+ Anh KIM được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

+ Chị Nguyễn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND tỉnh Quảng Ninh;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Thụ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đăng Khoa Đỗ Huy Hoàng

Lê Ngọc Phương

